

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 87/2018/HS-PT
Ngày : 24 - 8 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Trà

Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Phụng – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2018/TLPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo A; do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2018/HSST ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

- Bị cáo bị kháng cáo:

A – Sinh năm: 1971 tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; trú tại: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 3/12; Con ông C (chết) và bà D – Sinh năm: 1940; Vợ: E – Sinh năm: 1973; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh B – Sinh năm: 1988 (Có mặt)

Trú tại: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 03/7/2017, A (không có giấy phép lái xe hạng A1) đến nhà ông F ở cùng thôn để mượn xe mô tô đi đám cưới nhưng không gặp ông F; cùng lúc đó, A thấy xe mô tô mang biển kiểm soát 77S3-6222 đang dựng ở trước sân nhà, trên xe có sẵn chìa khóa nên A đã tự ý lấy xe của ông F đi dự đám cưới.

Sau khi dự xong đám cưới, A điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 77S3-6222 chạy trên tuyến đường Quốc lộ 1A theo hướng Bắc – Nam để về nhà. Đến khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày, A điều khiển xe mô tô đến đoạn đường Quốc lộ 1A thuộc thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình trên phần đường dành cho xe thô sơ và người đi bộ ở phía Tây. Do thiếu quan sát nên khi phát hiện thấy ở phía trước cách đầu xe mô tô khoảng 05m có bà G đang phơi lúa, A đạp phanh để dừng xe nhưng không kịp, dẫn đến phần đầu xe mô tô tông vào người bà G làm bà G ngã xuống đường bị thương nặng, chết trên đường đưa đi cấp cứu.

Hiện trường vụ tai nạn giao thông được mô tả tại Sơ đồ và Biên bản khám nghiệm hiện trường lập ngày 03/7/2017.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 210/2017/PY-TT ngày 06/7/2017, Trung tâm pháp y tỉnh Bình Định đã kết luận bà G chết do gãy cột sống cổ, chèn ép tủy.

Về dân sự: Sau khi xảy ra tai nạn, A đã bồi thường cho gia đình bà G số tiền 60.000.000 đồng và hiện nay các bên chưa thỏa thuận xong phần bồi thường thiệt hại.

Về xử lý vật chứng: Ngày 14/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Bình Định đã lập biên bản giao trả xe mô tô mang biển kiểm soát 77S3-6222 cho ông F và ông F không yêu cầu bồi thường thiệt hại về phần hư hỏng xe do tai nạn giao thông gây ra.

*/- Về phần hình phạt và phần bồi thường thiệt hại đối với bị cáo A đã được Tòa án nhân dân các cấp xét xử như sau:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 27/10/2017, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định đã quyết định:

+ Tuyên bố: Bị cáo A phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

+ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo A 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

+ Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584, Điều 591 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo A phải bồi thường tổng chi phí cứu chữa, mai táng, tổn thất tinh thần cho gia đình người bị hại G số tiền 82.250.000 đồng; số tiền này người đại diện hợp pháp cho gia đình bị hại là anh B nhận.

Sau khi xét xử, người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm nói trên để điều tra làm rõ vụ án theo các điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999 và tăng mức bồi thường thiệt hại.

- Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 193/2017/HSPT ngày 21/12/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 27/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định với lý do là Tòa án cấp sơ thẩm không dựng lại hiện trường vụ tai nạn để xác định lỗi của các bên và không thực hiện việc đo nồng độ cồn đối với bị cáo; ngoài ra, tên Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa ghi trong quyết định phân công và trong biên bản phiên tòa khác với tên Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa khi xét xử sơ thẩm.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HSST ngày 29 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định đã quyết định:

+ Tuyên bố: Bị cáo A phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

+ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo A 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

+ Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584, Điều 591 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo A phải bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm gồm các khoản: Chi phí cứu chữa, mai táng, tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại G với số tiền 98.783.000 đồng; được trừ 60.000.000 đồng bị cáo đưa trước; bị cáo A còn phải bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 38.783.000 đồng; số tiền này người đại diện hợp pháp cho gia đình bị hại là anh B nhận.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

*/- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/6/2018, người đại diện hợp pháp của bị hại là anh B có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nói trên để điều tra làm rõ vụ án theo các điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999 và tăng mức bồi thường thiệt hại.

*/- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Bác toàn bộ các yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*/- Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nói trên để điều tra làm rõ vụ án theo các điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999 và tăng mức bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 03/7/2017, trên đoạn đường Quốc lộ 1A thuộc thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định đã xảy ra vụ tai nạn giao thông giữa bị cáo A và bà G; hậu quả, bà G chết trên đường đưa đi cấp cứu.

[2] Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra mặc dù không dựng lại hiện trường theo quy định để xác định được phương tiện ở chỗ nào, hướng đi của phương tiện, vị trí của người bị hại, các dấu vết khác để lại hiện trường... nhưng cũng không tiến hành lập biên bản để thể hiện rõ lý do tại sao tại thời điểm xảy ra tai nạn không lập biên bản dựng lại hiện trường và Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng không làm rõ tại thời điểm gây tai nạn, tình trạng của bị cáo như thế nào, có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định hay không... và cũng không có biện pháp để xử lý mà chỉ lập Biên bản về việc không chấp hành yêu cầu đo nồng độ cồn vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 03/7/2017 (BL số 52) không có chữ ký xác nhận của bị cáo là không phù hợp với các quy định về điều tra, giải quyết tai nạn giao thông.

[3] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

“Ngay tại thời điểm trước lúc xảy ra tai nạn tôi điều khiển xe mô tô 77S3-6222 đi trên phần đường dành cho xe thô sơ và người đi bộ phía Tây đường. Tôi điều khiển xe chạy gần sát vạch sơn trắng liền nét phía Tây. Khi cách bà G khoảng 05m thì có tiếng bíp còi của xe ô tô từ phía sau tôi. Lúc này, tôi giật mình nên có đánh lái vào phía trong lề, tức phía Tây đường khoảng 0,5m (so với vị trí ban đầu xe tôi điều khiển). Lúc này khoảng cách giữa xe tôi và bà G rất gần nên tôi không xử lý kịp, tôi có phanh (thắng) chân nhưng không kịp nên tông vào bà G đang lom khom quây lúa trên tấm bạt” (Biên bản hỏi cung bị can ngày 21/3/2018 (BL 177). Ngoài ra, bị cáo và những người đại diện hợp pháp của bị hại cũng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có căn cứ để xác định nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn giao thông làm chết bà G là do lỗi của bị cáo A do đã có hành vi điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 77S3-6222 có dung tích xi lanh 97cm³ nhưng không có giấy phép lái xe hạng A1, bị cáo điều khiển xe trong tình trạng sử dụng rượu bia, thiếu quan sát nên đã gây tai nạn giao thông làm chết bà G.

[4] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại anh B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nói trên để điều tra làm rõ vụ án theo các điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Tại thời điểm xảy ra tai nạn, bị cáo và những người làm chứng đều thống nhất thừa nhận bị cáo có sử dụng rượu, bia khi tham gia giao thông nhưng bị cáo không chấp hành yêu cầu đo nồng độ cồn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã lập Biên bản về việc không chấp hành yêu cầu đo nồng độ cồn vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 03/7/2017 (BL số 52); mặc dù bị cáo không ký vào biên bản nói trên nhưng tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 21/3/2018 (BL 177), bị cáo A đã thừa nhận *“Tổ công tác có yêu cầu tôi đo nồng độ cồn trong khí thở nhưng tôi không chấp hành vì lúc đó hoảng loạn nên có la chửi, không cho đo nồng độ cồn. Tổ công tác có yêu cầu tôi ký tên vào biên bản về việc không chấp hành yêu cầu đo nồng độ cồn nhưng tôi không ký mà bỏ đi vì sợ tăng nặng hình phạt”*.

Do đó, không có căn cứ để xác định được tình trạng của bị cáo có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 28/8/2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIX của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tội xâm phạm trật tự, an toàn giao thông.

Tuy nhiên, trong quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đối với hành vi chống đối việc đo nồng độ cồn của bị cáo khi xảy ra tai nạn để lên một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp.

- Trong vụ án giao thông nói trên, hậu quả bị cáo A gây ra là làm chết 01 người (bà G); do đó, không thuộc trường hợp gây hậu quả rất nghiêm trọng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 28/8/2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIX của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tội xâm phạm trật tự, an toàn giao thông.

- Ngoài ra, tại các Biên bản ghi lời khai ngày 13/3/2018 đối với anh H (BL 181) *“... thì thấy ngay trước nhà bà G đang có khoảng 4-5 người đang tập trung, bên lề phía Tây Quốc lộ 1A có bà G đang bị thương tích và nằm bên lề đường... Cách chỗ bà G nằm khoảng 7-10m về hướng nam có một xe mô tô cũ nằm nghiêng và một người đàn ông khoảng 40 tuổi đang đi vòng quang đoạn từ xe mô tô đến chỗ bà G nằm... Sau này tôi mới biết người đàn ông này tên A ở C, M ... Khi tôi đến hiện trường tôi thấy bà G đã được đưa vào trong lề đường đất ở phía Tây Quốc lộ 1A... Vị trí bà G nằm lúc này đã bị dịch chuyển so với lúc bị tai nạn”* và Biên bản ghi lời khai ngày 12/3/2018 đối với ông I (BL 183) *“....khi đến hiện trường tôi thấy ông A*

đang trong tình trạng say rượu đang đi bộ qua lại xung quanh hiện trường... ”; như vậy, không có căn cứ chứng minh bị cáo A đã có hành vi gây tai nạn rồi bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn hoặc không không chấp hành hiệu lệnh của người đang làm nhiệm vụ điều khiển hoặc hướng dẫn giao thông quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999.

Từ những căn cứ nói trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo A phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo A là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng của người khác đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Trong quá trình xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất mức độ của hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra cũng như đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo A 18 tháng tù là phù hợp.

Ngoài ra, tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của bị hại anh B không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Do đó, Hội đồng xét xử xét bác một phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nói trên để điều tra làm rõ vụ án theo các điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999 và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của người bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu bị cáo A có nghĩa vụ phải bồi thường chi phí cứu chữa, mai táng số tiền thực tế là 72.133.000 đồng; chi phí cấp dưỡng và thu nhập bị mất của người bị hại đến năm 60 tuổi 6.000.000 đồng/tháng x 3 năm = 216.000.000 đồng và bồi thường tổn thất tinh thần là 100.000.000 đồng.

Căn cứ quy định tại các Điều 584, 585, 586, 590 và 591 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì mức bồi thường thiệt hại đối với bà G do tính mạng bị xâm phạm được tính toán cụ thể như sau:

- Chi phí cho việc cấp cứu và cứu chữa: 1.000.000 đồng;
- Chi phí cho việc mai táng: 17.250.000 đồng.
- Không chấp nhận tiền cúng tế và xây mộ.

- Đối với yêu cầu bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 591 Bộ luật dân sự thì mức bồi thường bù đắp tổn thất tinh thần do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có tính mạng bị xâm phạm không quá 100 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. Do đó, trong trường hợp này, Hội đồng xét xử chấp nhận mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần cho gia đình người bị hại là 80 lần mức

lương cơ sở do Nhà nước quy định; cụ thể: 80 lần x 1.390.000 đồng = 111.200.000 đồng.

Tổng cộng: 129.450.000 đồng.

Từ những căn cứ nói trên, Hội đồng xét xử bác một phần yêu cầu kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại về việc yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ bồi thường chi phí cấp dưỡng và thu nhập bị mất của người bị hại số tiền là 216.000.000 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại; sửa bản án sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại.

Bị cáo A có nghĩa vụ bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 129.450.000 đồng; bị cáo đã bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 60.000.000 đồng; do đó, bị cáo A còn phải bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 69.450.000 đồng và người đại diện hợp pháp cho gia đình bị hại là anh B nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo A phải chịu 200.000 đồng.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo A phải chịu 3.472.500 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại; sửa bản án sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại.

1. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 và Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 28/8/2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIX của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tội xâm phạm trật tự, an toàn giao thông.

Xử phạt: Bị cáo A 18 (*bằng chữ: Mười tám*) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; các Điều 584, 585, 586, 590, 591 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Buộc bị cáo A có nghĩa vụ bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền là 129.450.000 đồng (*bằng chữ: Một trăm hai mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*); bị cáo đã bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 60.000.000 đồng (*bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng*); do đó, bị cáo A còn phải bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 69.450.000 đồng (*bằng chữ: Sáu mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). Số tiền nói trên do người đại diện hợp pháp của bị hại là anh B nhận.

3. Về án phí:

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo A phải chịu 200.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo A phải chịu 3.472.500 đồng (*bằng chữ: Ba triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

4.2. “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. Hiệu lực Bản án phúc thẩm: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Hải